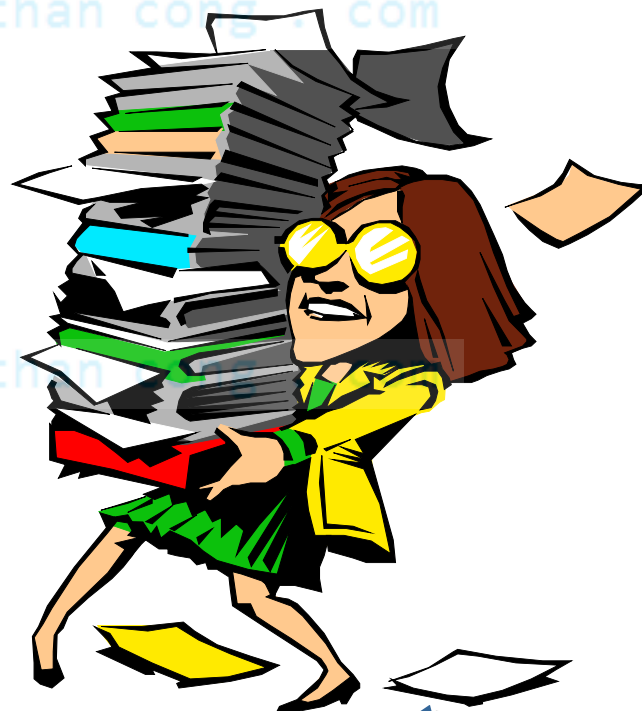


Chương Báo cáo tài chính

4



12/19/2019

Trường Đại học

NGOẠI THƯƠNG

CuuDuongThanCong.com

Accounting

<https://fb.com/tailieudientucntt>



Nội dung chương

- Khái niệm và ý nghĩa
- Yêu cầu, nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính
- Hệ thống báo cáo tài chính (Chuẩn mực kế toán số 21)

1. Khái niệm BCTC

K.Niệm: Là báo cáo kế toán cung cấp các thông tin về tình hình tài chính, tình hình kinh doanh và các luồng tiền của một doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu hữu ích cho số đông những người sử dụng trong việc đưa ra các quyết định kinh tế.

Để đạt mục đích này BCTC phải cung cấp những thông tin của một doanh nghiệp về:

- 1 Tài sản
- 2 Nợ phải trả
- 3 Vốn chủ sở hữu
- 4 Doanh thu, thu nhập khác, chi phí, lãi và lỗ
- 5 Các luồng tiền

2. Ý nghĩa BCTC

- Cung cấp thông tin khái quát, tổng hợp nhất về tình hình tài chính, về kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.
- Cho phép kiểm tra, phân tích, đánh giá;
- Giúp các đối tượng sử dụng thông tin đưa ra các quyết định.

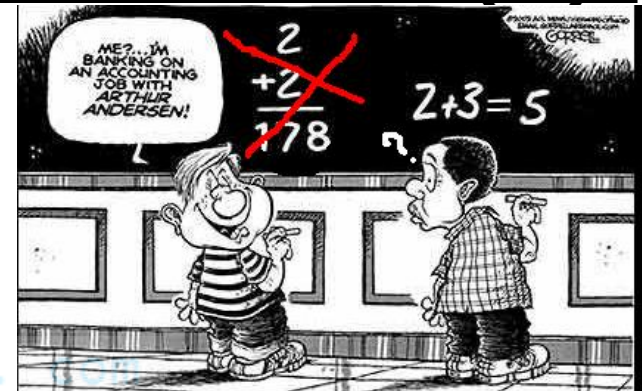


3. Yêu cầu nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính (1)

- **Yêu cầu:**

- Trung thực...
...và hợp lý

- Lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán phù hợp với qui định của từng chuẩn mực kế toán nhằm đảm bảo cung cấp thông tin thích hợp với nhu cầu ra các quyết định kinh tế của người sử dụng và cung cấp được các thông tin đáng tin cậy.



3. Yêu cầu nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính (2)

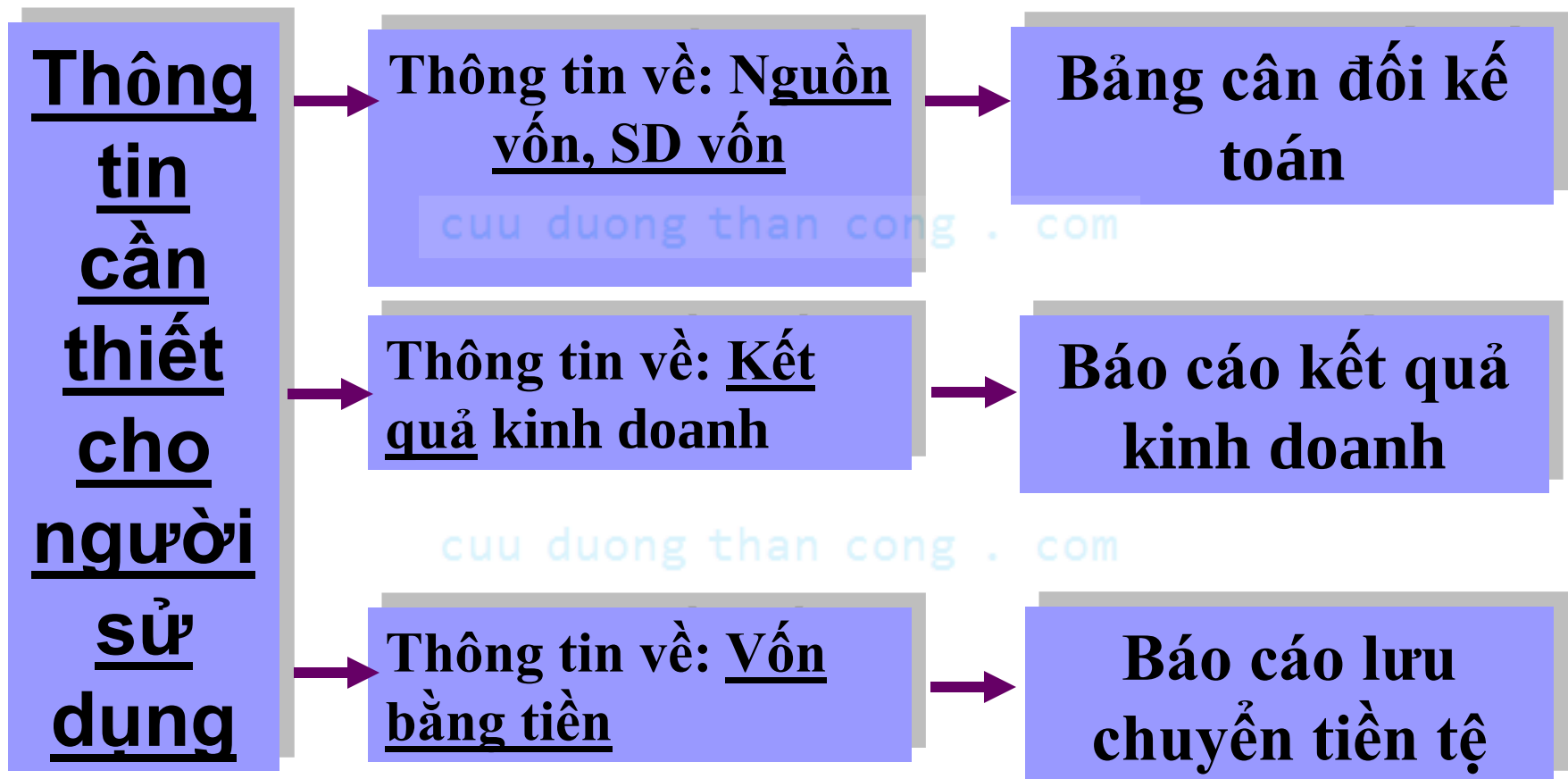
- Nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính:
 - Hoạt động liên tục;
 - Cơ sở dồn tích;
 - Nhất quán;
 - Trọng yếu và tập hợp;
 - Bù trừ;
 - Có thể so sánh.

4. Hệ thống báo cáo tài chính

- **a. Phân loại:**
- Theo mức độ khái quát
- Theo cấp quản lý
- Theo mức độ tiêu chuẩn
- **b. Hệ thống báo cáo tài chính DN:**
- Bảng cân đối kế toán,
- Báo cáo kết quả KD
- Bảng lưu chuyển tiền tệ
- Bảng Thuyết Minh báo cáo tài chính

Các BC này được lập khi kết thúc quý (BCTC giữa niên độ) hay khi kết thúc năm tài chính (BCTC năm).

4. Hệ thống báo cáo tài chính



4.1. Bảng cân đối kế toán

Khái niệm: Là báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh **tổng quát** toàn bộ **giá trị tài sản** hiện có và **nguồn** hình thành tài sản đó của doanh nghiệp tại **một thời điểm nhất định**, dưới biểu hiện **giá trị**.

cuu duong than cong . com

4.1.1. Đặc điểm

- Phản ánh TS, NV dưới hình thức giá trị.
- Phản ánh “tình hình tài chính của DN” ở một thời điểm nhất định:
 - Các nguồn lực kinh tế mà DN kiểm soát;
 - Quyền lợi của chủ nợ đối với các nguồn lực đó;
 - Giá trị mà chủ sở hữu có trong doanh nghiệp.

4.1.2. Nội dung

- **Tài sản và Nguồn vốn.**
 - Các yếu tố: Tài sản, Nợ phải trả và Vốn chủ sở hữu.
 - Theo chiều dọc hoặc chiều ngang
 - Các yếu tố bắt buộc khác:
 - Tên của đơn vị kế toán.
 - Tên của báo cáo tài chính: “Bảng cân đối kế toán”
 - Ngày lập báo cáo.



4.1.3. Các yếu tố của bảng CĐKT

Tài sản	Nguồn vốn
1. Tài sản ngắn hạn 2. Tài sản dài hạn <i>Các khoản phải thu dài hạn</i> <i>Tài sản cố định</i> <i>Bất động sản đầu tư</i> <i>Các khoản đầu tư TC dài hạn</i> <i>Tài sản dài hạn khác</i>	1. Nợ phải trả <i>Nợ ngắn hạn</i> <i>Nợ dài hạn</i> 2. Vốn chủ sở hữu <i>Vốn chủ sở hữu</i> <i>Nguồn kinh phí và quỹ khác</i>

4.1.4. Phương trình kế toán

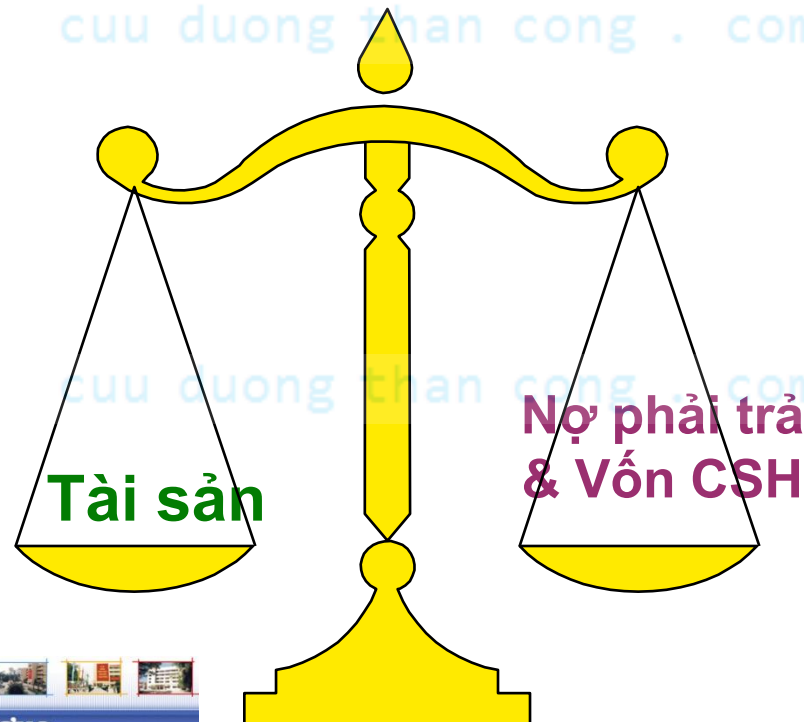
Vốn CSH

=

Tài sản

-

Nợ phải trả



4.1.5 Phương pháp lập

- **Nguồn số liệu:**

- Bảng cân đối kế toán kỳ trước
- Số dư cuối kỳ của các TK kế toán.

- **Phương pháp lập:**

- **Cột đầu kỳ:** lấy số liệu của bảng cân đối kế toán cuối kỳ trước;
- **Cột cuối kỳ:** căn cứ vào số dư cuối kỳ của các tài khoản kế toán để xây dựng các chỉ tiêu tương ứng.

Lưu ý

- TK 412, 413, 421 nếu có số Dư Có thì ghi dương, Dư Nợ thì ghi âm.
- TK 131 có dư Có thì phản ánh vào chỉ tiêu “Trả trước của người mua” phần Nguồn vốn;
- TK 331 có dư Nợ thì phản ánh vào chỉ tiêu “Trả trước cho người bán” phần Tài sản.
- Một số TK điều chỉnh giảm (TK dự phòng và TK khấu hao) có số dư bên Có thì SDCK được phản ánh vào bên Tài sản dưới dạng số âm.



Tính chất cân đối của BCĐKT

Nghịệp vụ kinh tế phát sinh bao giờ cũng ảnh hưởng ít nhất đến 2 khoản mục khác nhau trên Bảng cân đối kế toán, bao gồm 4 trường hợp

cuu duong than cong . com

Phân tích BCĐKT

- Chỉ số về khả năng thanh toán:
 - Hệ số thanh toán ngắn hạn
 - Hệ số thanh toán nhanh
 - Hệ số thanh toán tức thời
- Chỉ tiêu cơ cấu nợ:
 - Tỷ lệ nợ/Tài sản
 - Tỷ lệ vốn CSH/Tài sản
- Vốn lưu động ròng

4.2. Báo cáo kết quả kinh doanh

- Khái niệm:
- Là báo cáo tổng hợp phản ánh tình hình và kết quả kinh doanh trong một kỳ hoạt động của DN chi tiết cho các hoạt động chính và các hoạt động khác;
- Tình hình thực hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp về các khoản thuế và các khoản khác.

4.2.1. Kết cấu: 3 phần

- - Báo cáo lãi lỗ;
- - Tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước về các khoản thuế và các nghĩa vụ khác;
- - Thuế GTGT được khấu trừ, được hoàn thuế, được miễn giảm.

Phần 1: Báo cáo lãi lỗ, mẫu B02-DN.

- Ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006
- **Kết cấu**: ứng với các chỉ tiêu có các mã số, số kỳ này, số kỳ trước và số lũy kế.
- **Cách lập**: Căn cứ vào các tài khoản loại 5, 6, 7, 8, 9.

Phần 1: Lãi lỗ, mẫu B02-DN (tiếp)

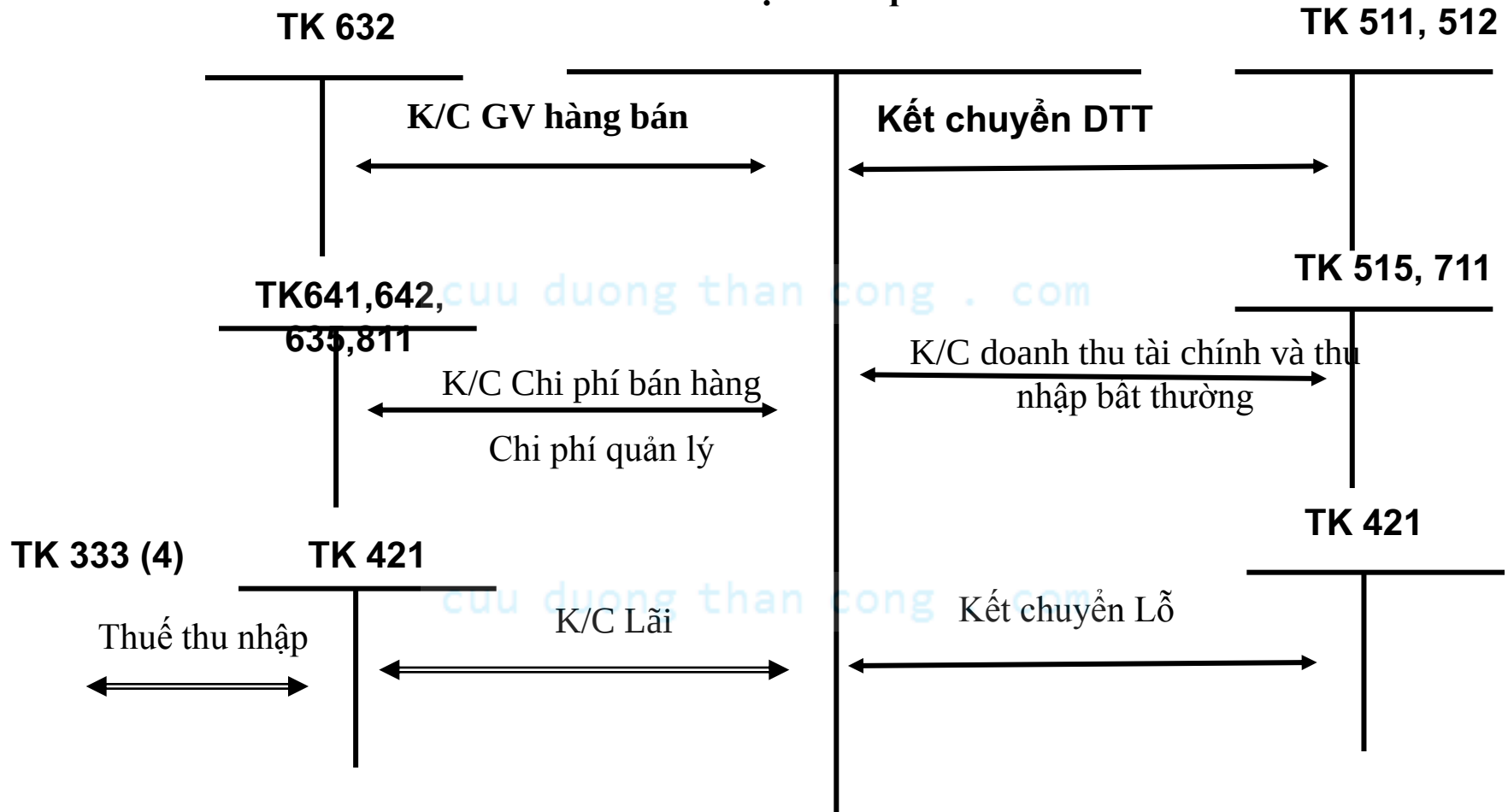
- Tổng Doanh thu
- Các khoản giảm trừ doanh thu
- Doanh thu thuần
- Giá vốn hàng bán
- Lợi nhuận gộp về BH và CCDvụ
- Doanh thu HĐ tài chính
- Chi phí tài chính
- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Lợi nhuận thuần từ HĐKD

Phần 1: Lãi lỗ, mẫu B02-DN (Tiếp)

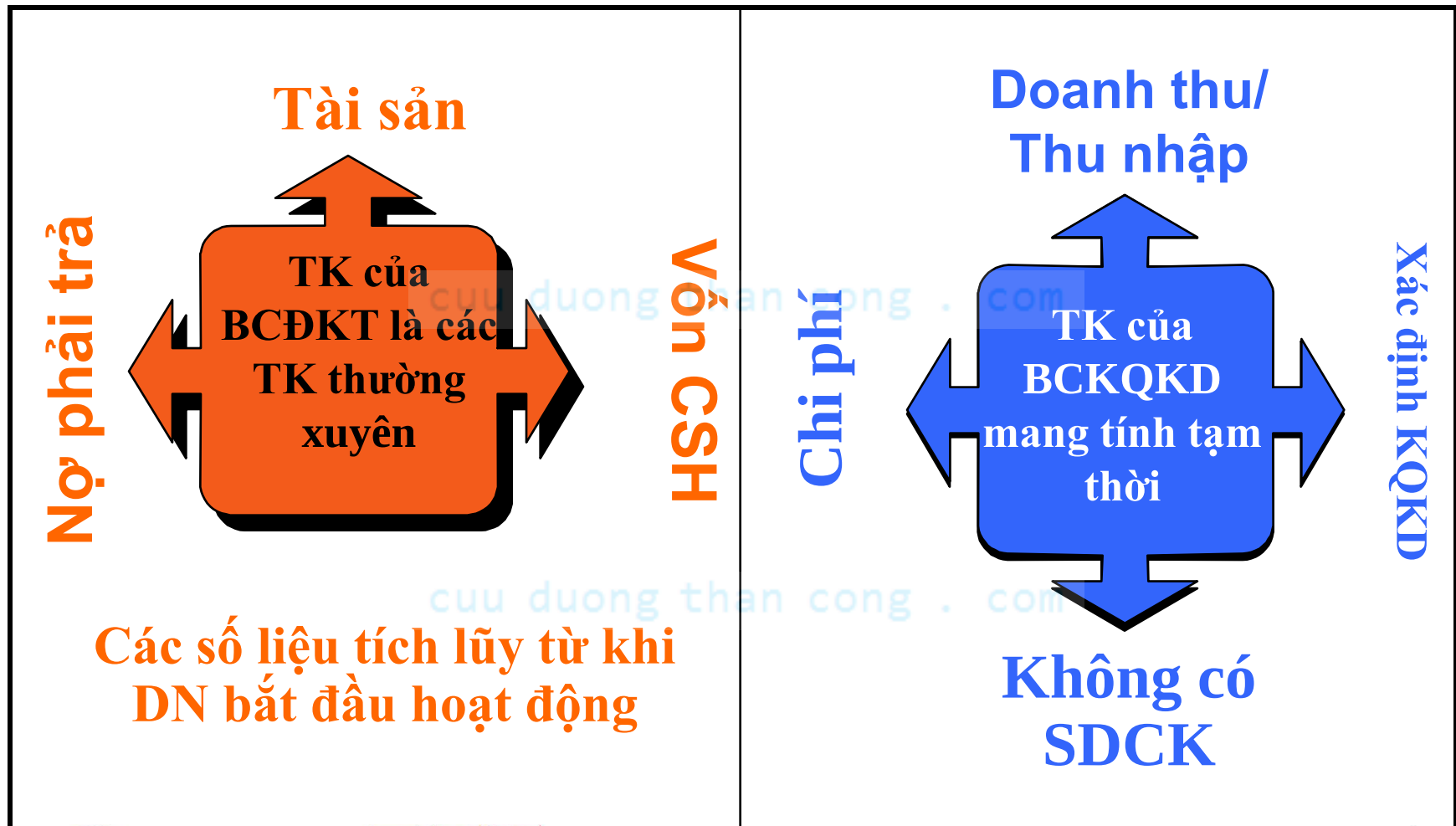
- Lợi nhuận thuần từ HĐKD
- Thu nhập khác
- Chi phí khác
- Tổng lợi nhuận trước thuế
- Thuế thu nhập DN phải nộp
- Lợi nhuận sau thuế

Cách lập báo cáo kết quả hoạt động KD – phần Lãi, Lỗ

TK 911: Xác định kết quả kinh doanh



So sánh BCĐKT và BCKQKD



Phân tích báo cáo KQHĐKD

- Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời
 - Tỷ lệ lãi gộp
 - Tỷ suất lợi nhuận ròng
 - Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA)
 - Tỷ suất sinh lời của vốn CSH (ROE)
- Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng
 - Số vòng quay của tài sản
 - Số vòng quay của hàng tồn kho



**Tôi đã từng nói trong nhiều năm rằng
“Các nhân viên của tôi là những tài sản
quí giá nhất của công ty**

Nhưng hoá ra tôi đã nhầm. Tiền mới là tài sản đáng giá nhất



4.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (VAS số 24)

- **Khái niệm:**

Là báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh việc hình thành và sử dụng tiền trong kỳ kế toán

- **Tiền:**

- Tiền mặt tại quỹ
- TGNH
- Tiền đang chuyển
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (trong vòng 90 ngày) và có tính thanh khoản cao.



Ý nghĩa việc phân tích dòng tiền tệ

- Đo lường khả năng tạo ra các dòng tiền và nhu cầu về tiền của doanh nghiệp.
- Đo lường khả năng thực hiện các nghĩa vụ đối với các chủ nợ, Nhà nước...
- Cung cấp thông tin xác định nhu cầu về tiền của doanh nghiệp cho kỳ tiếp theo.
- Cung cấp thông tin cần thiết cho việc hoạch định và kiểm soát.
- Giải thích sự khác biệt giữa tiền và lợi tức sau thuế.

Các hoạt động tạo ra các dòng tiền

- **Hoạt động kinh doanh** : là các hoạt động tạo ra doanh thu chủ yếu của DN và các hoạt động khác không phải là hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính.
- **Hoạt động đầu tư** : là các hoạt động mua bán, xây dựng, thanh lý, nhượng bán các tài sản dài hạn và các khoản đầu tư khác không nằm trong các khoản tương đương tiền.
- **Hoạt động tài chính** : là các hoạt động tạo ra các thay đổi về quy mô và kết cấu của vốn chủ sở hữu và vốn vay của DN.

Sự khác biệt giữa dòng tiền và lợi nhuận sau thuế

Lợi nhuận

=

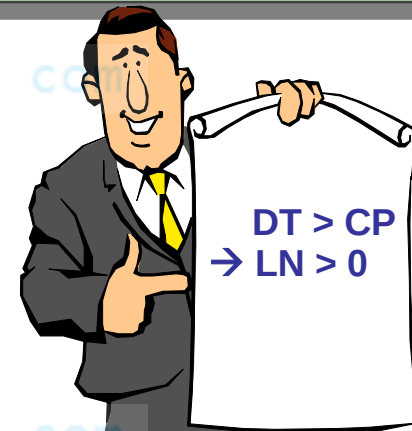
Doanh thu

-

Chi phí

Chi phí

D.thu/thu nhập



Dòng h.hoá
và dịch vụ
vào

Dòng hàng hoá
và dvụ ra

GOẠI THƯƠNG

CuuDuongThanCong.com

Accounting

<https://fb.com/tailieudientucntt>



Sự khác biệt giữa dòng tiền và lợi nhuận sau thuế

Cơ sở tiền mặt # Cơ sở dồn tích

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ



Cash - flow từ hoạt động kinh doanh

- Tiền thu từ bán hàng (+)
- Tiền thu từ các khoản phải thu (+)
- Tiền thu từ các khoản khác (+)
- Tiền trả cho người cung cấp...(-)
- Tiền chi trả người lao động (-)
- Tiền nộp thuế (-)..
- Tiền trả lãi vay (-).

Cash - flow từ hoạt động đầu tư

- Tiền mua TSCĐ (-)
- Tiền đầu tư vào các đơn vị khác (-)
- Thu lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận (+)
- Thu do nhượng bán TSCĐ (+)
- Thu hồi các khoản đầu tư dài hạn (+)

Cash - flow từ hoạt động tài chính

- Tiền vốn góp, phát hành cổ phiếu (+)
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn; (+)
- Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của chính DN đã phát hành. (-)
- Tiền cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu (-).

cuu duong than cong . com

Phương pháp lập

- Phương pháp trực tiếp: Xác định dòng tiền ra, vào cho từng chỉ tiêu trong từng phần, sử dụng số liệu đối chiếu trên các tài khoản tiền.
- Phương pháp gián tiếp: Điều chỉnh các chỉ tiêu trong phần 1 – Dòng tiền từ SXKD, xuất phát từ Lợi nhuận trước thuế.

QUAN HỆ GIỮA BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

VỐN BẢNG TIỀN CUỐI NĂM =
VỐN BẢNG TIỀN ĐẦU KỲ +
CASH - FLOW.

cuu duong than cong . com

Ý nghĩa của phân tích dòng tiền

- Dự báo sự thiếu hụt hay dư thừa tiền mặt.
- Đề ra các giải pháp cho kỳ tới

Nếu thiếu hụt, có thể :

- Vay thêm [cuu duong than cong . com](http://cuuduongthancong.com)
- Giảm các tài sản lưu động
- Giảm các tài sản khác.

Nếu dư thừa, có thể :

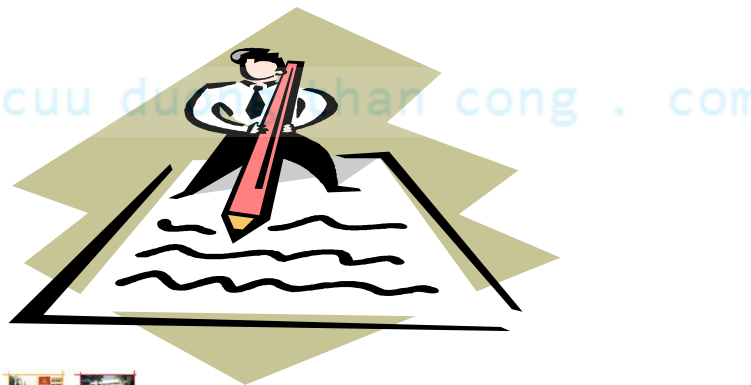
- Trả nợ ngân hàng [ng duong than cong . com](http://cuuduongthancong.com)
- Thanh toán cho người cung cấp
- Tài trợ cho một kế hoạch đầu tư.

Đặc điểm dòng tiền trong các giai đoạn phát triển của Doanh nghiệp

- Giai đoạn bắt đầu SXKD
- Giai đoạn phát triển ổn định
- Giai đoạn đỉnh cao
- Giai đoạn suy thoái

4.4. Thuyết minh các báo cáo tài chính

Giải trình và bổ sung, thuyết minh về tình hình hoạt động SXKD, tình hình tài chính của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo, mà chưa được trình bày đầy đủ, chi tiết hết trong các báo cáo tài chính khác.



4.4. Thuyết minh các báo cáo tài chính

- **Nội dung :**

- Đặc điểm hoạt động
- Chính sách kế toán áp dụng
- Chi tiết một số chỉ tiêu trong các báo cáo tài chính :
- Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động
- Các kiến nghị.

Kết thúc chương 4

